

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HSST

Ngày: 01/9/2017

Về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Hùng;**

Ông Trần Thành Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Bùi Thanh T, sinh năm 1970; sinh trú quán: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ học vấn: 12/12; cha Bùi Văn L, sinh năm: 1937; mẹ Trần Thị X, sinh năm: 1940; vợ: Nguyễn Thị Bích T; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm: 2001; anh chị em có 07 người, bị cáo là người thứ tư.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG

Người bị hại: Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn dân sự: **Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện A** do ông **Phan Ngọc T**, sinh năm: 1958, Giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Ngô Văn S**, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông **Bùi Văn C**, sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà **Lý Thị B**, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà **Nguyễn Thị Diễm L**, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà N, ông S, ông C, bà B, bà L có mặt. Riêng ông T vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Bùi Thanh T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Thời gian từ tháng 01 đến tháng 6/2014, Bùi Thanh T được phân công làm công tác kế toán Trường tiểu học “A” A P và Phan Thị N làm thủ quỹ tạm thời thay cho bà Nguyễn Thị Diễm L thủ quỹ chính của trường trong thời gian L đi học. Theo phân công của Ban giám hiệu trường thì thủ quỹ có nhiệm vụ nhận lương, phát lương cho cán bộ, giáo viên, đồng thời trích tiền đóng bảo hiểm của từng cán bộ, giáo viên để nộp vào khoản thu bảo hiểm xã hội tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện A. Trong khoảng thời gian này do bận đi học nên N hai lần nhờ T đem số tiền 27.768.070đ thu của cán bộ giáo viên trường để nộp vào tài khoản bảo hiểm xã hội tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện A nhưng T không nộp mà chiếm dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

- Tháng 02/2014, N đưa cho T số tiền 5.348.880 đồng được trích từ tiền truy lĩnh lương cơ bản tháng 11, 12/2013 và truy lĩnh nâng lương trước thời hạn tháng 3/2013 của 51 cán bộ giáo viên trường để nộp vào khoản bảo hiểm xã hội.

- Tháng 6/2014, N đưa cho T số tiền 22.419.190 đồng trích từ tiền lương tháng 6/2014 của 51 cán bộ giáo viên trường để nộp vào khoản bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên, do không có tiền để chữa bệnh cho vợ, T đã chiếm đoạt số tiền này mà không chuyển cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định. Đến ngày 20 và 30 tháng 6 năm 2016 T đã nộp lại số tiền này để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 28/VKS.HS ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Bùi Thanh T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX), xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Án định thời gian thử thách dành cho bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Về tố tụng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa người liên quan, đại diện theo pháp luật của Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện A ông Phan Ngọc T vắng mặt. Xét thấy ông T đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử;

căn cứ Điều 191, 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đã phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị N, trình bày: Bà công tác tại Trường tiểu học “A” A P từ năm 2008, đến tháng 6/2014 được bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng trường. Đầu năm 2012, do bà Nguyễn Thị Diễm L là thủ quỹ của trường bận đi học thường xuyên nên Ban giám hiệu nhà trường phân công bà giữ nhiệm vụ thủ quỹ tạm thời thay cho bà L. Nhiệm vụ của thủ quỹ là đi rút tiền lương về phát cho cán bộ giáo viên ở trường, đồng thời trích tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện từ tiền lương của cán bộ giáo viên để đóng nộp vào khoản thu bảo hiểm xã hội tại Ngân hàng. Trong năm 2014, do bà bận đi học nên có nhờ ông T hai lần đi nộp tiền vào tài khoản thu bảo hiểm xã hội tại Ngân hàng là 27.768.070 đồng nhưng T không nộp mà chiếm đoạt số tiền trên. Cả hai lần sau khi đưa tiền cho T xong bà cũng không hỏi T có nộp hay chưa, đến khi đoàn thanh tra tiến hành thanh tra thì bà mới biết ông T chiếm đoạt hai khoản tiền trên. Hiện ông T đã khắc phục xong số tiền chiếm đoạt.

Ông Ngô Văn S, trình bày: Ông giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường tiểu học “A” An Phú từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2014. Trong thời gian này, Bùi Thanh T làm kế toán, Nguyễn Thị Diễm L làm thủ quỹ và Phan Thị N làm thủ quỹ tạm thời thay L, khi L đi học. Việc N nhờ T đi nộp tiền bảo hiểm nhưng bị T chiếm dụng tiền bảo hiểm thì ông không biết, đến khi Cơ quan điều tra mời ông làm việc thì ông mới biết sự việc.

Ông Bùi Văn C, trình bày: Ông giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường tiểu học “A” An Phú từ tháng 6/2014 đến tháng 7/2016. Trong thời gian này, Bùi Thanh T làm kế toán, bà L làm thủ quỹ và bà Ngọc làm thủ quỹ tạm thời thay bà L khi L đi học. Đến tháng 3/2015 bà Lý Thị B chuyển về trường công tác thay thế T theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện A, giữa T và bà B có lập biên bản bàn giao công việc kế toán, cụ thể chỉ bàn giao hồ sơ, chứng từ, sổ sách thể hiện thu chi của đơn vị ngoài ra không bàn giao gì thêm. Sự việc ông T chiếm dụng tiền bảo hiểm thì ông không biết, đến khi đoàn thanh tra tiến hành thanh tra thì ông mới biết.

Bà Lý Thị B, trình bày: Bà làm kế toán tại Trường tiểu học “A” A P từ tháng 3/2015 thay cho Bùi Thanh T. Khi về bà và T có làm thủ tục bàn giao hồ sơ chứng từ thể hiện việc thu, chi ngân sách của trường, ngoài ra không bàn giao gì thêm. Việc T chiếm dụng tiền bảo hiểm của N (thủ quỹ) nhờ T đi nộp thì bà không biết, đến khi đoàn thanh tra tiến hành thanh tra thì bà mới biết.

Bà Nguyễn Thị Diễm L, trình bày: Bà công tác tại Trường tiểu học “A” A P từ năm 2008 phụ trách y tế học đường. Từ tháng 10/2011 đến tháng 9/2015 kiêm thủ quỹ của trường. Thời gian làm thủ quỹ thì Bùi Thanh T làm kế toán, bà Phan Thị N làm thủ quỹ tạm thời thay bà lúc đi học. Việc Trung chiếm dụng tiền bảo hiểm của N nhờ T đi nộp thay bà không biết, đến khi đoàn thanh tra tiến hành thanh tra thì bà mới biết.

Ông Phan Ngọc T trình bày: Ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc cơ quan bảo hiểm xã hội huyện A từ năm 2007 đến nay: Đối với trường “tiểu học A” A P, qua kiểm tra, đối chiếu sổ sách thì trường còn nợ tiền Quỹ bảo hiểm của các tháng 01,02 và tháng 6/2014 với số tiền 27.768.070đ như kết luận thanh tra đã nêu. Qua làm việc với Cơ quan điều tra, ông đã xác định được bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền này. Hiện nay bị

cáo đã nộp lại số tiền trên để khắc phục hậu quả và tiền đã được chuyển vào tài khoản của Cơ quan bảo hiểm xã hội nên ông không yêu cầu gì thêm.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người liên quan và những người làm chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bùi Thanh T là người có đủ năng lực hành vi, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kế toán trưởng “tiểu học A” A P, lợi dụng sự tin tưởng của cán bộ thủ quỹ về việc nhờ nộp tiền quỹ bảo hiểm xã hội đến cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị cáo đã không làm như vậy mà lợi dụng sự tin nhiệm của người khác giao cho mình để chiếm đoạt số tiền 27.768.070đ để chi tiêu cho mục đích cá nhân và dẫn đến không có khả năng chi trả. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 140 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A là hoàn toàn có căn cứ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, trên cơ sở hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an chung tại địa phương. Đặc biệt số tiền mà bị cáo chiếm đoạt dù không lớn nhưng nó là thành quả lao động của rất nhiều cán bộ, công chức, người lao động của trường “Tiểu học A” A P, những gì mà họ đóng góp cho ngân sách ngày hôm nay cũng là chăm lo cho cuộc sống của chính họ và gia đình họ sau này, khi đã về hưu hoặc nghỉ việc. Điều đó cho thấy hành vi phạm tội của bị cáo cũng phần nào làm ảnh hưởng đến chính sách an sinh xã hội mà Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện. Ngoài ra, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng: “phạm tội nhiều lần” với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc dành cho bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm để ngăn ngừa phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, cũng có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt, vì bị cáo đã khắc phục hậu quả là đã nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã thành khẩn nhận tội, thật thà khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ riêng biệt theo quy định tại điểm s khoản 01 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 mà theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo sẽ được áp dụng trong vụ án này. Hoàn cảnh gia đình bị cáo đang gặp khó khăn bị cáo là lao động chính nuôi sống gia đình và vợ của bị cáo đang bị bệnh nặng cần có tiền để điều trị, đây là cũng là nguyên nhân chính dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Người bị hại, tập thể thầy cô giáo nơi bị cáo đang công tác là trường trung học cơ sở An Phú cũng có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những tình tiết nêu trên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cần cho bị cáo được giáo dục cải tạo tại nơi mà bị cáo đang công tác cũng là thỏa đáng và cũng đủ sức răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đối với tập thể và các cá nhân của trường “Tiểu học A” A P đã có thiếu sót trong quá trình thực thi công vụ, là nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Cụ thể: Đối với bà Phan Thị N với vai trò là Phó hiệu trưởng, tạm thời kiêm nhiệm vai trò thủ quỹ trong thời gian bà L (thủ quỹ) đi học, đã không hoàn thành được nhiệm vụ, chức trách được giao đó là không trực tiếp mang tiền quỹ bảo hiểm

nộp theo quy định mà lại nhờ kế toán nộp thay, sau đó đã không kiểm tra, đối chiếu chứng từ sổ sách để xác định là bị cáo đã nộp tiền hay chưa, chỉ khi đoàn thanh tra tiến hành việc thanh tra, kiểm tra thì mới phát hiện sai phạm.

Đối với ông Ngô Văn S và ông Bùi Văn C với vai trò là Hiệu trưởng nhà trường cũng đã không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao đó là buông lỏng trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, thiếu kiểm tra, giám sát đối với cấp dưới trong quá trình thực thi công vụ. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra thì mới phát hiện sai phạm.

Do đó, đề nghị lãnh đạo Phòng giáo dục huyện A nghiêm túc kiểm điểm tập thể và các cá nhân có liên quan và có các hình thức xử lý các sai phạm theo quy định. Đồng thời, có những giải pháp khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác quản lý để những vụ việc tương tự sẽ không còn tái diễn trong tương lai.

Tương tự như vậy, đối với ông Phan Ngọc T cũng đã không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao đó là buông lỏng trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, thiếu chỉ đạo cho cấp dưới trong công tác kiểm tra, đối chiếu đối với các đơn vị thụ hưởng ngân sách và có nghĩa vụ trích nộp lại Quỹ bảo hiểm xã hội trên địa bàn huyện, dẫn đến sự việc diễn ra từ tháng 02 và tháng 6 năm 2014 mà đến năm 2016, khi tiến hành thanh tra, kiểm tra thì mới phát hiện sai phạm. Do đó, cũng đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang và UBND huyện A nghiêm túc kiểm điểm tập thể và các cá nhân có liên quan và có các hình thức xử lý các sai phạm theo quy định. Đồng thời, có những giải pháp khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác quản lý để những vụ việc tương tự sẽ không còn tái diễn trong tương lai.

Về trách nhiệm dân sự: Hiện nay bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả và tiền đã được chuyển vào tài khoản của Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện A để có nguồn chi trả cho người lao động theo quy định. Do đó, bà N và đại diện cho cơ quan bảo hiểm xã hội không có yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập để giải quyết.

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 60 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dành cho bị cáo là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án ngày 01/9/2017.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang theo dõi, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

Bị cáo T phải chịu 300.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/9/2017), bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Đã giải thích những quy định của pháp luật về án treo cho bị cáo T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS;
- THADS;
- THAHS;
- TAT;
- CAH;
- NTG;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu vp;

Lê Thanh Hoàng